

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNST

Ngày: 16-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Ngọc Linh

2. Bà Đặng Thị Kim Tuyền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2021/TLST- HNGĐ ngày 26/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Giang Nhất V, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Lệ D, sinh năm 1956. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Giang Nhất V sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện về chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V nhiều lần đánh đập vợ con, chị T đã nhiều lần tha thứ nhưng anh V vẫn không thay đổi. Hiện nay,

chị T và anh V không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Giang Nhất V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Giang Nhất Q, sinh ngày 28/8/2018 và Giang Uyên Th, sinh ngày 23/11/2019. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Giang Nhất V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong lúc nóng giận anh V có đánh vợ, hai bên không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh V đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Giang Nhất Q, sinh ngày 28/8/2018 và Giang Uyên Th, sinh ngày 23/11/2019. Khi ly hôn anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang Nhất Q và đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang Uyên Th. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có số tiền mặt 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), 02 thẻ ngân hàng Viettinbank và Agribank khoảng 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng); 04 bộ ximen tay vàng 18k; 01 sợi dây chuyền khoảng 05 chỉ vàng 18k; 03 nhẫn vàng 04 chỉ vàng 24k; 03 vòng tay vàng 18k; 02 lắc tay vàng 18k; 02 bộ bông tai vàng 18k; 01 xe Vision màu xanh đen, không rõ biển số, 01 điện thoại di động Iphone 8; 01 điện thoại di động Oppo A9 và dụng cụ làm tóc. Tổng giá trị tài sản chung khoảng 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Khi ly hôn, anh V yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung, anh nhận số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Nợ bà Đỗ Lệ D 02 cây vàng SJC trị giá 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Khi ly hôn mỗi bên có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Lệ D trình bày:

Vào năm 2020, vợ chồng anh V và chị T có vay của bà D 02 cây vàng SJC trị giá 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Khi vay thì các bên không làm giấy tờ và cũng không có người làm chứng, chỉ thỏa thuận khi nào vợ chồng chị T thu hồi vốn thì sẽ trả cho bà D số vàng đã vay. Nay bà D yêu cầu anh V và chị T có

trách nhiệm trả cho bà D giá trị 02 cây vàng SJC là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh V, giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Giang Nhất V cư trú tại xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Lệ D vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt chị T, bà D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Giang Nhất V có tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 2017, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước, do đó hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên đều cho rằng cuộc sống vợ chồng hiện không hạnh phúc, anh V nhiều lần có hành vi đánh vợ và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh vợ con gây thương tích. Tòa án có triệu tập các bên tham gia hoà giải tuy nhiên nguyên đơn không có thiện chí hòa giải, anh V cũng thống nhất theo yêu cầu ly hôn của chị T. Hiện nay hai bên không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết

kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng:

Chị T và anh V thống nhất có 02 con chung tên Giang Nhất Q, sinh ngày 28/8/2018 và Giang Uyên Th, sinh ngày 23/11/2019.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung còn anh V có nguyện vọng được nuôi con chung Giang Nhất Q. Tuy nhiên, cả chị T và anh V đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện nuôi con. Xét thấy cả hai cháu đều là bé gái và còn ở độ tuổi rất nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Tại phiên tòa anh V thừa nhận từng có hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên trong gia đình là chị T và cháu Q, đã bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự. Hành vi này của anh V được xem là hành vi bạo lực gia đình, sẽ gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con chung, có điều kiện tốt phát triển về tâm sinh lý, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là có căn cứ, được chấp nhận.

Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung:

Chị T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Anh V xác định vợ chồng có tài sản chung là số tiền mặt 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), 02 thẻ ngân hàng Viettinbank và Agribank khoảng 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng); 04 bộ ximen tay vàng 18k; 01 sợi dây chuyền khoảng 05 chỉ vàng 18k; 03 nhẫn vàng 04 chỉ vàng 24k; 03 vòng tay vàng 18k; 02 lắc tay vàng 18k; 02 bộ bông tai vàng 18k; 01 xe Vision màu xanh đen, không rõ biển số, 01 điện thoại di động Iphone 8; 01 điện thoại di động Oppo A9 và dụng cụ làm tóc. Tổng giá trị tài sản chung khoảng 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Khi ly hôn, anh V yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung, anh nhận số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, Tòa án có ra thông báo yêu cầu anh V nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh V không nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được coi là không yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Anh V có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung. Bị đơn Giang Nhất V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Lệ D đều xác định anh V và chị T có vay 02 cây vàng SJC của bà D vào năm 2020. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Lệ D có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án

đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà D không nộp lại biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án, anh V không làm đơn yêu cầu độc lập theo quy định tại khoản 2 Điều 195 và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được coi là không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bà D và anh V có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 195, Điều 202, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Giang Nhất V.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 24/11/2017 của UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước).

Về con chung: Giao 02 con chung Giang Nhất Q, sinh ngày 28/8/2018 và Giang Uyên Th, sinh ngày 23/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023541 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Các đương sự
- UBND xã P
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Hải